

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-ĐHKT ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: KINH TẾ
Mã ngành	: 52 31 01 01
Tên ngành (Tiếng Anh)	: ECONOMICS
Tên chuyên ngành	: KINH TẾ PHÁT TRIỂN
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: DEVELOPMENT ECONOMICS
Mã chuyên ngành	: 52 31 01 01 01
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Chương trình đào tạo đại trà

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh tế phát triển có **năng lực** về chuyên môn nhằm thực hiện các công tác phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi chính sách phát triển kinh tế - xã hội, công tác tổ chức và quản lý kinh tế - xã hội ở tầm quốc gia, địa phương, vùng, ngành và các tổ chức kinh tế - xã hội một cách độc lập; có phẩm chất tốt, có đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp nhằm thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường quản lý và kinh doanh và có khả năng tự học tập suốt đời.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Kinh tế phát triển khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

1.2.1. Kiến thức

Kiến thức cơ bản

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CDR1	Nắm được kiến thức nền tảng về tự nhiên, xã hội, những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

2	CĐR2	Nắm được kiến thức cơ bản về cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế
3	CĐR3	Nắm được kiến thức cơ bản về quản lý, cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế
4	CĐR4	Kiến thức quản lý thông tin: Nắm bắt phương pháp thu thập, phân tích, xử lý thông tin phục vụ cho việc ra quyết định.
5	CĐR5	Kiến thức về pháp luật: Nắm bắt các qui định của pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.

Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên ngành
1	CĐR6	Am hiểu cách thức huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực để tạo ra năng lực sản xuất của nền kinh tế
2	CĐR7	Am hiểu cách thức phân phối kết quả đầu ra cho hiện tại và tương lai
3	CĐR8	Nắm bắt phương pháp hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; phương pháp xây dựng kế hoạch, chương trình, dự án phát triển Kinh tế xã hội
4	CĐR9	Nắm bắt phương pháp quản lý, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực thi các chính sách, chương trình, dự án phát triển Kinh tế xã hội
5	CĐR10	Nắm bắt phương pháp phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cơ bản

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CĐR11	Kỹ năng giao tiếp, truyền thông: Soạn thảo báo cáo, kế hoạch; khả năng thuyết trình, thuyết phục, khả năng lắng nghe, hỗ trợ, chia sẻ thông tin với người khác
2	CĐR12	Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm: Chủ động trong công việc đồng thời có khả năng thực hiện công việc nhóm, xây dựng mối quan hệ gắn kết, tạo động cơ, đồng cảm, chia sẻ
3	CĐR13	Sử dụng thông thạo các công cụ công nghệ thông tin, các phần mềm phổ thông và chuyên dụng để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (đạt chuẩn tin học văn phòng và chuyên ngành)

4	CĐR14	Có thể giao tiếp kinh doanh bằng tiếng Anh đạt từ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) trở lên
5	CĐR15	Kỹ năng lãnh đạo: Có khả năng tổ chức công việc, điều khiển, định hướng, kiểm tra, giám sát.

Kỹ năng nghề nghiệp

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CĐR16	Kỹ năng lập luận, tư duy hệ thống: có khả năng phát hiện, phản biện các vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực chuyên ngành
2	CĐR17	Kỹ năng phân tích: có khả năng nhận thức, đánh giá được bối cảnh, tiềm năng, lợi thế (quốc tế, quốc gia, vùng, địa phương...); đánh giá được các nguồn lực phát triển
3	CĐR18	Kỹ năng hoạch định: có khả năng xây dựng chiến lược phát triển; lập kế hoạch phát triển, xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội
4	CĐR19	Kỹ năng quản lý: có khả năng sử dụng phương pháp quản lý hiện đại vào quá trình huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực trong phát triển
5	CĐR20	Có khả năng sử dụng các công cụ để phân tích đánh giá thực tiễn phát triển và các chính sách phát triển.

1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CĐR21	Tuân thủ qui định của pháp luật: Nhận thức đúng đắn và thực hiện các hành vi phù hợp với qui định của pháp luật
2	CĐR22	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp: Tâm huyết với nghề nghiệp; có tính thần trách nhiệm trong công việc, ý thức kỷ luật cao
3	CĐR23	Có khát vọng cống hiến vươn lên; có tinh thần phục vụ cộng đồng. Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội

1.3. Cơ hội việc làm

Cử nhân Kinh tế Phát triển có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước về Kinh tế - Xã hội từ Trung ương đến địa phương; tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, các

cơ sở nghiên cứu; Ban quản lý các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; các phòng chức năng của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; Các tổ chức đa phương và các tổ chức phi chính phủ; có thể tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành chuyên gia phân tích, hoạch định chính sách, nhà lãnh đạo, quản lý cấp cao.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Qui trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Học phần chung toàn Trường

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin phần 2	3
03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	LAW1001	Pháp luật đại cương	2
06	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
07	ENG1001	Tiếng Anh đại cương 1 (A2.1)	3
08	ENG2001	Tiếng Anh đại cương 2 (A2.2)	4
09	MIS1001	Tin học văn phòng	3
10	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3
11	MGT1001	Kinh tế vi mô	3
12	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
13	MGT1002	Quản trị học	3
		Tổng	37
14		Giáo dục thể chất	5
15		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

7.2. Học phần chung khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
16	SMT2001	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
17	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3
18	ECO2002	Kinh tế phát triển	3
19	IBS2002	Kinh tế quốc tế	3
20	ECO2004	Kinh tế công	3
21	BAN2001	Tài chính công	3
22	ECO2003	Kinh tế môi trường	3
23	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3
24	ECO2001	Quản lý nhà nước về kinh tế	3
25	ENG3005	Tiếng Anh kinh tế	3
		Tổng	30

7.3. Học phần chung của ngành

7.3.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	ECO3001	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3
27	ECO3002	Dự báo phát triển kinh tế - xã hội	3
28	ECO3003	Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược	3
29	MGT2001	Kinh tế vi mô nâng cao	3
30	STA3001	Kinh tế lượng	3
		Tổng	15

7.3.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
31	ECO3019	Phương pháp định lượng trong kinh tế	3
32	ECO3021	Dân số và phát triển	2
33	ECO3022	Phát triển nông thôn	3
34	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3
35	IBS3011	Quy tắc và các định chế thương mại toàn cầu	3

7.4. Học phần chuyên ngành

7.4.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
36	ECO3004	Kinh tế phát triển nâng cao	3
37	ECO3005	Phân tích kinh tế - xã hội	3
38	ECO3006	Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội	3
39	ECO3007	Chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội	3
40	ECO3008	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	3
41	LAW2007	Luật hành chính	3
		Tổng	18

7.4.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
42	ECO3009	Kinh tế lao động	3
43	ECO3020	Kinh tế vùng	3
44	SMT3027	Hành chính công	3
45	STA3002	Hệ thống tài khoản quốc gia	3
46	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
47	Tham gia các hoạt động: Tham quan, trao đổi, đối thoại với các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các viện nghiên cứu, các tổ chức kinh tế xã hội để nắm bắt và tìm hiểu các nghiệp vụ, các vấn đề của thực tiễn	

7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		Hình thức 1	
48	ECO4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
49		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6
		Hình thức 2	
50	ECO4002	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

8. **Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
9. **Lộ trình học** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
10. **Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo** (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	http://www.khoakehoachphattrien.neu.edu.vn/ViewDaoTao.aspx?ID=36
2	Đại học Kinh tế - TP HCM	http://www.fde.ueh.edu.vn/index.php/dao-tao/sample-sites/kinh-t-hc-2
3	Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế	http://ueb.vnu.edu.vn/Sub/13/newsdetail/hchuan/11152/chuong-trinh-dao-tao-chuan-trinh-do-dai-hoc-nganh-kinh-te-phat-trien.htm
4	University of Queensland	https://www.uq.edu.au/study/program_list.html?acad_prog=2029
5	The University of Nottingham	http://www.nottingham.ac.uk/ugstudy/undergraduateprospectus.aspx
6	University of Edinburgh	http://www.ed.ac.uk/studying/undergraduate/degrees?action=subject&section=programmes&code=17&cw_xml=index.php

HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Đã ký tên và đóng dấu)
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn